

GÓP PHẦN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ NỔI BẬT TOÀN CẦU KHU DI TÍCH KHẢO CỔ ỐC EO - BA THÊ QUA CÁC PHÁT HIỆN MỚI GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

NGUYỄN KHÁNH TRUNG KIÊN*

Khu di tích khảo cổ Ốc Eo - Ba Thê, ngày nay thuộc thị trấn Ốc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, là địa điểm nổi tiếng nhất của nền văn hóa Ốc Eo. Các hiện vật và di tích được khai quật tại đây thể hiện sự đa dạng về hình thức, phong cách, nguồn gốc, cung cấp bằng chứng thuyết phục về sự thích nghi với môi trường, chiến lược sinh tồn và tương tác văn hóa của các cộng đồng cổ đại ở vùng hạ lưu sông Cửu Long trong những thế kỷ đầu Công nguyên. Tàn tích đô thị cổ ven biển này được bảo tồn tốt trong tầng văn hóa dưới lòng đất. Nơi đây từng là trạm dừng quan trọng của các thương nhân, tăng lữ, nhà thám hiểm và nhiều người khi tham gia vào mạng lưới thương mại hàng hải năng động kết nối nhiều nền văn minh Đông - Tây cổ đại. Để ghi nhận giá trị đặc biệt của Ốc Eo - Ba Thê, báo cáo tóm tắt "Hồ sơ khu di tích khảo cổ Ốc Eo - Ba Thê, tỉnh An Giang" gần đây đã được đệ trình lên UNESCO để đưa vào danh sách sơ bộ các đề cử Di sản thế giới theo ba tiêu chí cụ thể. Bài viết này nêu bật những phát hiện khảo cổ học quan trọng từ các cuộc khai quật gần đây, làm sáng tỏ thêm ý nghĩa văn hóa của các di tích và di vật, góp phần cung cấp thêm tài liệu để hỗ trợ các tiêu chí công nhận giá trị toàn cầu nổi bật của quần thể di tích khảo cổ này.

Từ khóa: Ốc Eo - Ba Thê, di tích, di vật, giá trị nổi bật toàn cầu, bảo tồn

Nhận bài ngày: 18/8/2024; *đưa vào biên tập:* 19/8/2024; *phản biện:* 21/8/2024; *duyet đăng:* 28/8/2024

1. DẪN NHẬP

Kể từ khi học giả người Pháp, Louis Malleret phát hiện, khai quật, nghiên cứu và định danh cho nền văn hóa Ốc Eo vào năm 1944 đến nay đã vừa tròn 80 năm. Đồng thời, qua các phát hiện của giới khảo cổ học Việt Nam từ sau năm 1975 đã mang lại nhiều nhận thức khoa học quan trọng cho nền văn

hóa khảo cổ này với hàng trăm di tích phân bố trên nhiều địa phương ở đồng bằng Nam Bộ và nhiều loại hình di vật độc đáo lưu giữ tại các bảo tàng địa phương. Trong giai đoạn 2017 - 2020, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam triển khai đề án cấp quốc gia "Nghiên cứu khu di tích Ốc Eo - Ba Thê, Nền Chùa (văn hóa Ốc Eo Nam Bộ)" (gọi tắt là đề án Ốc Eo) với các cuộc khai quật khảo cổ học có hệ thống ở hai tỉnh An Giang và Kiên

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Giang. Kết quả của đề án Óc Eo đã làm xuất lộ nhiều loại hình di tích quan trọng cùng những sưu tập hiện vật độc đáo, với nhiều loại chất liệu khác nhau, có giá trị khoa học cao, góp phần mang lại nhận thức mới cho khảo cổ học Nam Bộ nói chung và văn hóa Óc Eo nói riêng.

Kết quả các cuộc khai quật tại Óc Eo - Ba Thê đã góp thêm tư liệu mới cho việc nhận diện được hai không gian chức năng của khu di tích, phân bố trên hai dạng địa hình khác nhau: (1) Khu kiến trúc tôn giáo trên sườn núi Ba Thê và (2) Khu vực cư trú - tôn giáo nằm ở cánh đồng Óc Eo. Các phát hiện này đã cho thấy các cộng đồng cư dân cổ nơi này đã tạo dựng Óc Eo - Ba Thê thành một đô thị có vai trò quan trọng bậc nhất thời bấy giờ của quốc gia cổ Phù Nam. Nơi đây từng diễn ra các hoạt động kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương mại hàng hải phát triển mạnh, kết nối nhiều khu vực trên thế giới như La Mã, Ấn Độ, Trung Hoa và Đông Nam Á hải đảo.

Với các phát hiện về di tích và di vật khảo cổ độc đáo và quan trọng như thế, ngày 04/01/2022, báo cáo tóm tắt hồ sơ “Khu di tích khảo cổ Óc Eo - Ba Thê, tỉnh An Giang” đã được Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam gửi tới Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) đề nghị đưa Khu di tích Óc Eo - Ba Thê vào danh sách dự kiến lập hồ sơ Di sản thế giới với ba tiêu chí giá trị nổi bật toàn cầu:

- **Tiêu chí (ii):** thể hiện sự giao thoa quan trọng của các giá trị nhân văn, qua một thời kỳ hay bên trong một khu vực văn hóa của thế giới, về những phát triển trong kiến trúc, hoặc công nghệ, nghệ thuật xây dựng đền tháp, quy hoạch thành phố hay thiết kế cảnh quan.

- **Tiêu chí (iii):** chứa đựng một minh chứng duy nhất hoặc ít nhất cũng hết sức khác biệt về một truyền thống văn hóa hay một nền văn minh hiện vẫn đang tồn tại hoặc đã diệt vong.

- **Tiêu chí (v):** là một ví dụ nổi bật về hình thức cư trú truyền thống của con người, việc sử dụng đất đai hay khai thác biển cả, đại diện cho một (hay nhiều) nền văn hóa, hoặc sự tương tác giữa con người và môi trường đặc biệt là khi nó đã trở nên dễ tổn thương do ảnh hưởng của những đổi thay không thể đảo ngược.

Bài viết này thông qua tư liệu khảo cổ và những phát hiện mới từ đề án Óc Eo giới thiệu những di tích - di vật tiêu biểu, có ý nghĩa cho việc nhận diện giá trị và góp phần làm rõ hơn cho ba tiêu chí được lựa chọn trong Hồ sơ di sản thế giới của Khu di tích Óc Eo - Ba Thê nhằm hướng đến việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở tầm mức cao hơn trong thời gian tới.

2. GÓP THÊM TƯ LIỆU CHO TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ NỔI BẬT TOÀN CẦU CỦA KHU DI TÍCH ÓC EO - BA THÊ

Từ việc lựa chọn những tiêu chí nói trên, những diễn giải về các giá trị nổi bật toàn cầu của Óc Eo - Ba Thê

được mô tả trong báo cáo tóm tắt “Hồ sơ khu di tích khảo cổ Óc Eo - Ba Thê, tỉnh An Giang” như sau:

Đối với tiêu chí (ii), báo cáo tóm tắt viện dẫn đến mốc thời gian vào những thế kỷ đầu Công nguyên, khi hệ thống “thương mại hàng hải” được thiết lập và vận hành với một số tuyến buôn bán đường dài kết nối phương Đông, phương Tây (bao gồm Trung Quốc - Đông Nam Á - Ấn Độ - Địa Trung Hải). Xét trong hệ thống đó, đô thị cổ Óc Eo - Ba Thê nổi bật như một khu vực có trình độ sản xuất, chế tác và thương mại phát triển nhất ở Đông Nam Á. Nơi này có vai trò gắn kết giao thương giữa phương Tây và phương Đông. Đồng thời, tại Óc Eo - Ba Thê cũng đã xuất hiện những xưởng thủ công lớn, nơi có trình độ và kỹ thuật chế tác cao với các nghề kim hoàn, chế tác thủy tinh và đá quý. Sản phẩm đồ trang sức tại đây đã được xuất hiện ở nhiều nơi, từ Đông Bắc Á, Đông Nam Á, đến vùng hải đảo. Ngoài ra, Óc Eo - Ba Thê còn là khu vực thể hiện khá rõ nét về sự giao thoa, tiếp biến văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo, chữ viết, kỹ thuật của nhiều quốc gia, trong đó chủ yếu từ văn minh Ấn Độ từ thế kỷ II đến thế kỷ VII.

Tiêu chí (iii), xét về tính bản địa của nền văn hóa Óc Eo, các nghiên cứu cho thấy nó đã có một quá trình hình thành từ khoảng một, hai thế kỷ trước Công nguyên và phát triển rục rịch cho đến khoảng thế kỷ VII để rồi sau đó lụi tàn dần vào khoảng thế kỷ VIII, IX. Tính bản địa đó thể hiện qua các loại

hình vật dụng sinh hoạt, kỹ thuật xây dựng các kiến trúc tôn giáo, các loại hình nhà ở và các phong tục mai táng. Trong đó có nhiều hiện vật thể hiện đặc trưng tiêu biểu của phong cách nghệ thuật Óc Eo. Sự độc đáo của di tích và di vật ở Óc Eo - Ba Thê chính là sự kết hợp những giá trị độc đáo của văn hóa bản địa kết hợp với văn minh Ấn Độ cổ đại tạo nên văn hóa Óc Eo là nền tảng vật chất của vương quốc Phù Nam mà ngày nay đã không còn tồn tại.

Tiêu chí (v), việc sinh sống ở môi trường đồng bằng trũng thấp, cận biển, ngập nước theo mùa, xâm nhập mặn... khiến cộng đồng cư dân cổ Óc Eo cần thích ứng với quy luật của thiên nhiên để tồn tại. Các vết tích sử dụng gỗ làm nhà sàn để cư trú chính là một truyền thống của cư dân cổ Óc Eo vốn gắn liền môi trường sông nước. Không những vậy, họ còn biết đến việc đào hệ thống kênh rạch tỏa rộng khắp vùng đồng bằng Nam Bộ để đi lại bằng đường thủy. Các di vật du nhập từ phương xa cho thấy vai trò của Óc Eo - Ba Thê trong hệ thống mạng lưới giao thương quốc tế vào đầu Công nguyên trước khi lụi tàn vì mất dần vai trò trước những tác động của môi trường và sự chuyển dịch của hệ thống thương mại hàng hải và kỹ thuật đóng thuyền đã tiến bộ, đủ sức vượt biển đi qua eo biển Malacca và không cần di chuyển gần bờ như trước khiến vai trò Óc Eo mờ nhạt.

Ba tiêu chí được lựa chọn cùng với những diễn giải, minh chứng nêu trên

trong báo cáo tóm tắt gửi UNESCO dựa trên các phát hiện và công bố trước đây về văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ và các kết quả nghiên cứu tại khu di tích Óc Eo - Ba Thê (An Giang) trước đây. Tuy nhiên, sau gần 6 năm khai quật và nghiên cứu so sánh (2017 - 2023), đã có nhiều phát hiện mới, góp phần luận giải cho ba giá trị nổi bật toàn cầu ngày càng rõ nét hơn. Nội dung tiếp theo sẽ lần lượt đề cập đến những phát hiện mới về di tích và di vật, góp phần cập nhật, bổ sung để làm rõ hơn các tiêu chí của hồ sơ di sản thế giới.

2.1. Sự giao thoa của những giá trị văn hóa liên khu vực

Khu di tích Óc Eo - Ba Thê nằm ở phía Tây Nam của đồng bằng Nam Bộ, với vị trí cận biển, liên kết với khu vực vịnh Thái Lan và nhiều di tích đương đại khác qua hệ thống kênh rạch và các dòng sông. Xét ở không gian địa lý lớn hơn, Óc Eo - Ba Thê nằm ở một địa thế chiến lược, án ngữ các tuyến giao thông đường thủy từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam như một “ngã tư” tại giao lộ, là không gian giao thoa của các nền văn hóa, văn minh phương Đông và phương Tây. Các hải trình thương mại (hai chiều) trong vài thế kỷ đầu Công nguyên được phác dựng lại từ phương Tây qua Ấn Độ, vượt biển Andaman đến bán đảo Thái - Mã Lai bằng đường biển, rồi sau đó vượt qua eo đất hẹp Kra nơi miền Nam Thái Lan để rồi đi tiếp bằng đường biển về phía Đông, vượt qua vịnh Thái Lan đến với đô thị Óc

Eo. Từ trạm dừng này, các thương thuyền có thể đi dọc theo bờ biển miền Trung Việt Nam để đi lên phía Bắc hay vượt biển Đông để giao thương với các cộng đồng ở hải đảo Đông Nam Á. Các tuyến hải hành này được nhận diện qua các hiện vật khảo cổ với những loại hàng hóa, sản phẩm đặc hữu, có tính chỉ dấu nguồn gốc nơi chế tác để từ đó có thể truy nguyên xuất xứ của chúng.

Vùng đất nơi đô thị cổ Óc Eo - Ba Thê được tạo dựng nằm trong nội địa nhưng không quá xa bờ biển, ngọn núi Ba Thê nhìn từ khu di tích Nền Chùa (Kiên Giang) nổi rõ nơi chân trời như là một điểm mốc để định hướng cho các thương nhân phương xa. Nơi này vốn có nguồn nước ngọt được cung cấp từ các dòng sông và hệ thống kênh rạch, có nguồn lương thực dồi dào từ nông nghiệp canh tác trên các cánh đồng trù phú, đa dạng sản vật từ nhiều nguồn nội địa. Vì thế, nơi đây hội đủ điều kiện trở thành điểm dừng lý tưởng để tiếp tế lương thực, nước ngọt, trú tránh mưa bão hay đợi gió mùa thuận lợi để các thương thuyền giông buồm quay về bản quán. Trong quá trình lưu trú tại đó, các thương nhân từ nhiều vùng khác nhau có thể trao đổi, mua bán các loại hàng hóa mà họ cần. Một số loại hàng hóa thương mại hay có thể là vật dụng thường nhật của họ bị rơi vãi trong quá trình buôn bán, hay thải loại khi hư hỏng sau quá trình sử dụng, trở thành những hiện vật khảo cổ mà khi được khai quật, nghiên cứu so sánh

góp phần mang lại những thông tin phục dựng phần nào những sự kiện và diễn biến trong thời cổ đại.

Những phát hiện mới đã cho thấy tại đô thị cổ này hội tụ nhiều giá trị văn hóa từ nhiều khu vực, nhiều nền văn minh khác nhau trên thế giới thời bấy giờ. Các giá trị này được ghi nhận từ những nền tảng tinh thần như việc tiếp nhận tôn giáo, chữ viết Ấn Độ cho đến các yếu tố thẩm mỹ thể hiện ở các loại đồ trang sức tinh xảo, kỹ thuật chế tác điêu luyện từ nguồn gốc bản địa cùng với các vật phẩm du nhập từ Ấn Độ, La Mã hay trong nghệ thuật ẩm thực với việc sử dụng đa dạng các loại gia vị được nhập khẩu từ nhiều nơi (Nam Á, Đông Nam Á hải đảo).

- **Tôn giáo:** là một yếu tố văn hóa được du nhập đến vùng đất Óc Eo - Ba Thê từ khá sớm. Nơi đây, ngoài các ngẫu tượng linga-yoni, các tượng tôn giáo (Hindu giáo, Phật giáo), các loại vật thờ còn có nhiều loại hình hiện vật thể hiện tính chất tôn giáo (các biểu tượng trên vật đeo) như các công bố trước đây của Louis Malleret và các nhà nghiên cứu khác đã từng nhiều lần đề cập. Trong số các phát hiện gần đây, có thể kể đến một số yếu tố mới như: bức phù điêu hình Phật trong tư thế tọa thiền, hay cách thức xây dựng kiến trúc tôn giáo từ các hình thức giản đơn đến các kết cấu liên hoàn, quy mô lớn theo các quan niệm tôn giáo chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ ở khu vực sườn núi Ba Thê.

Phiến đá phù điêu hình Phật được tìm thấy tại kiến trúc LSB.KT23 ở khu di tích Linh Sơn Bắc, gần nơi phát hiện tấm bia đá có khắc chữ. Bề mặt phù điêu này chạm hình đức Phật trong tư thế tọa thiền, tay chắp, bên dưới hình Phật có 3 chữ Sanskrit (Hình 1). Kiến trúc nơi tìm thấy phù điêu này có quy mô nhỏ, bộ khung làm bằng vật liệu nhẹ, kết cấu đơn giản, khả năng từng được lợp bằng loại ngói chịu ảnh hưởng Ấn Độ, niên đại khoảng thế kỷ I - III. Những người khai quật nhận định niên đại của bức phù điêu này cùng niên đại với kiến trúc LSB.KT23, tức vào khoảng thế kỷ III - IV (Nguyễn Gia Đồi và nhiều người, 2020; Phạm Văn Triệu, 2023). Khả năng đây là một trong những đền thờ có niên đại vào loại sớm nhất ở Linh Sơn Bắc hay rộng hơn là cả khu di tích Óc Eo - Ba Thê trước khi khu vực này được xây dựng các công trình kiến trúc quy mô lớn.

Hình 1. Phù điêu hình Phật trong tư thế tọa thiền (Linh Sơn Bắc)



Nguồn: Phạm Văn Triệu.

Ở kiến trúc Gò Út Trạnh, nơi được cho là nhóm đền thờ “Tam vị nhất thể” qua kết quả khai quật đã xuất lộ nơi đây bình diện của ba kiến trúc kết cấu giống nhau, xây dựng quy chuẩn bằng đá kết hợp gạch, cách đều nhau, đồng trục thẳng hướng Bắc - Nam. Ba

kiến trúc này thuộc loại hình đền thờ lộ thiên, thân kiến trúc dạng hình vuông, lối ra vào ở phía Đông, được xây bằng kỹ thuật xếp đá và phần trung tâm được xây âm trong lòng đất. Gò Út Trạnh được nhận định là một tổng thể kiến trúc tôn giáo dạng đền thờ, mang ảnh hưởng văn minh Ấn Độ, chúng được xây đồng thời và sử dụng qua hai giai đoạn, niên đại khởi đầu khoảng thế kỷ VI - VII (Đặng Ngọc Kính và nhiều người, 2022). Ba kiến trúc nơi đây chính là biểu tượng của ba vị thần Hindu giáo (Trimurti) mà mỗi đơn nguyên kiến trúc đại diện cho một vị thần tối cao, bao gồm Brahma (Đấng tạo hóa), Visnu (Đấng bảo hộ) và Siva (Đấng hủy diệt) (Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Quốc Mạnh, 2013).

- **Chữ viết:** tìm thấy không nhiều trong văn hóa Óc Eo, riêng tại Óc Eo - Ba Thê, trước đây ở khu vực núi Ba Thê từng ghi nhận một minh văn trên một cấu kiện khung cửa kiến trúc cổ tại chùa Linh Sơn (bia ký hiệu K3), có niên đại ước định khoảng thế kỷ VII. Theo công bố của Lương Ninh (2005), nội dung minh văn gồm nhiều dòng, đề cập đến việc tôn vinh thần linh và nhắc đến chi tiết “xây dựng ngôi đền lớn bằng gạch trong sáu tháng, do Kumarambha cho xây dựng” và vị hoàng hậu (mẹ của Kumarambha) đã “cúng thần Sri Vardhamana vài chục tô tó” cũng như “bà đã cúng ở đây cả hai ngôi nhà đẹp đẽ, dùng làm nơi ở cho những người dâng hoa”. Khả năng ngôi đền được đề cập trong

minh văn này chính là ngôi đền cổ nằm dưới nền móng ngôi chùa Linh Sơn hiện đại và hai phiến đá khung cửa đang để trong chùa là khung cửa của chính kiến trúc này.

Gần đây, một tấm bia đá có chữ viết cổ được tìm thấy tại khu di tích Linh Sơn Bắc (ký hiệu K.1426), niên đại ước định khoảng đầu thế kỷ VII, thuộc vương triều Jayavarman I. Tấm bia này có hai mặt, mỗi mặt được chạm khắc bằng một loại văn tự khác nhau là tiếng Sanskrit và Khmer cổ (Hình 2).

Hình 2. Bia đá (Linh Sơn Bắc)



Nguồn: Phạm Văn Triệu.

Gần đây, các chuyên gia cổ ngữ (Kunthea et al., 2023) đã giải mã nội dung minh văn này và cho thấy bia Linh Sơn Bắc đề cập đến việc đức vua ban tặng cho tu viện Phật giáo (Candana Vihara) và các nghi thức, quy định về “lễ rước Phật” được tổ chức vào ngày rằm mỗi tháng cùng với việc giao trách nhiệm bảo vệ, quản lý tài sản của thần thuộc về người cai quản xứ Tamandarapura. Nội dung minh văn nói trên cho thấy tính chất của nhóm di tích Linh Sơn, Linh Sơn Nam và Linh Sơn Bắc khả năng là một quần thể kiến trúc Phật giáo, được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ VII. Bên cạnh đó,

Tamandarapura cũng là một địa danh đã từng được nhắc đến trong một số bia ký cổ khác tìm thấy ở đồng bằng Nam Bộ trước đây (ký hiệu K.9, K.604 và K.1235) và nay địa danh này được tìm thấy một lần nữa tại tấm bia Linh Sơn Bắc vừa phát hiện. Địa danh cổ *Tamandarapura* trong mặt bia khắc tiếng Sanskrit hay *Tamran* trong mặt còn lại có nội dung bằng tiếng Khmer cổ được các nhà nghiên cứu nhận định khả năng nó chính là tên gọi thời bấy giờ của đô thị cổ Óc Eo - Ba Thê, vào khoảng đầu thế kỷ VII. Các chuyên gia cổ ngữ nói trên cũng cho rằng tên gọi đó không phải ngôn ngữ Sanskrit hay Khmer cổ mà khả năng thuộc về các nhóm cư dân nói ngôn ngữ Nam Đảo (Austronesian) (Chhom Kunthea, Dominic Goodall và Arlo Griffith, 2023).

- **Đồ trang sức:** là một hàng hóa đặc biệt bởi nó có đặc tính nhỏ, nhẹ, nhưng lại có giá trị thương mại cao bởi chính vẻ đẹp, độ tinh xảo hay độ quý hiếm của chất liệu làm nên chúng. Khi đề cập về đồ trang sức ở Óc Eo - Ba Thê, trước hết phải kể đến chính là những hạt chuỗi thủy tinh nhiều màu (Indo-Pacific glass beads), vốn được tìm thấy phổ biến trong nhiều di tích và đặc biệt với số lượng rất lớn tại các hố khai quật ở khu vực Gò Óc Eo và đáy kênh cổ Lung Lớn. Hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific là một loại hiện vật đặc biệt, có phạm vi phân bố rộng khắp ở nhiều châu lục. Trong các nghiên cứu của Francis Peter (2002) nó được tìm thấy trong một không

gian phân bố rộng lớn, trải dài từ Hàn Quốc qua Đông Nam Á hải đảo đến Nam Phi. Trong các cuộc khai quật năm 2017 - 2020 chỉ riêng tại hai di tích Gò Óc Eo và Lung Lớn (khu A và khu B) cạnh đó với tổng diện tích khai quật khoảng 1.500m² đã tìm thấy 1.038.131 hạt (Bùi Minh Trí và nhiều người, 2022). Cho đến nay, qua tư liệu đã công bố vẫn chưa ghi nhận di tích nào ở khu vực Đông Nam Á phát hiện số lượng hạt chuỗi thủy tinh lớn tương tự nơi này (Hình 3).

Hình 3. Hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific (bảo quản tại Bảo tàng An Giang)



Nguồn: Nguyễn Khánh Trung Kiên.

Gò Óc Eo được nhận định nhiều khả năng chính là nơi sản xuất, chế tác đồ trang sức và dòng kênh cổ Lung Lớn (khu A) là nơi tập kết hàng hóa này xuống thuyền để tiến hành mua bán với thương nhân nơi khác (Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2023). Qua phân tích bằng phương pháp huỳnh quang tia X (XRF) đã cho thấy có sự tương đồng về chất liệu giữa những hạt chuỗi ở Óc Eo - Ba Thê và những hạt chuỗi tìm thấy trong các di tích khảo cổ miền nam Ấn Độ và Đông Nam Á, niên đại khoảng thế kỷ IV - VII⁽¹⁾. Ở khu vực bán đảo Triều Tiên, Kim Gyu Ho và cộng sự (2016) dựa trên kết

quả phân tích 9 mẫu hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific với các hạt thủy tinh tròn, màu nâu đỏ, xanh lục, đen và xanh tím thu thập được tại Ốc Eo cho thấy thành phần hóa học của chúng là nhóm thủy tinh Soda tương tự về loại hình, màu sắc và thành phần hóa học với hạt thủy tinh tìm thấy ở bán đảo Triều Tiên cùng thời. Ngoài ra, công bố này cũng đề cập đến ghi chép của Nhật Bản cho thấy “vua vùng Baekje đã gửi hàng hóa của Phù Nam và hai nô lệ đến Nhật Bản vào năm 543 AD”. Điều này chỉ ra đã có sự trao đổi hàng hóa trực tiếp hoặc gián tiếp giữa vùng Baekje (Triều Tiên) và Phù Nam vào khoảng nửa đầu thế kỷ VI. Như vậy, nhiều khả năng hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific sản xuất tại Ốc Eo - Ba Thê không chỉ được tiêu thụ nội bộ hay trong những cộng đồng lân cận ở Nam Á, Đông Nam Á lục địa và hải đảo mà còn được trao đổi, mua bán đến những khu vực xa hơn như Đông Á.

Hình 4. Các loại hạt chuỗi bằng đá quý, thủy tinh bọc vàng phát hiện tại Ốc Eo - Ba Thê



Nguồn: Nguyễn Khánh Trung Kiên.

Không chỉ có những hạt chuỗi thủy tinh, hạt chuỗi bằng các loại đá quý như mã não (agate) hay carnelian

cũng được tìm thấy tại Ốc Eo - Ba Thê, một số được tìm thấy đang ở dạng bán thành phẩm hay phế phẩm (Hình 4). Điều này cho thấy khả năng cư dân Ốc Eo nhập nguyên liệu thô từ các nguồn ở Nam Ấn để những người thợ thủ công nơi này tiếp tục chế tác hoàn thiện trước khi sử dụng hay tiếp tục buôn bán với các nhóm cư dân khác như một loại hàng hóa thương mại. Tại Ốc Eo - Ba Thê còn tìm thấy những hạt chuỗi thủy tinh bọc vàng hay các đoạn chuỗi nhiều hạt dính liền nhau, bằng thủy tinh bọc vàng vốn là những đồ trang sức cao cấp, được giới quý tộc La Mã đương thời ưa chuộng. Trong công bố của Ambra Calo và nhiều người (2020) cho biết có tìm thấy hạt chuỗi dạng này ở địa điểm Pangkung Paruk (Indonesia) cùng với một số đồ trang sức tương tự với những loại hình phát hiện tại Ốc Eo (Hình 5). Một loại hạt chuỗi đặc biệt khác ở Ốc Eo được làm từ kỹ thuật khảm mảnh thủy tinh (*Mosaic glass bead*) dạng hình elip cũng được phát hiện tại Lung Lớn (Hình 6). Nơi chế tác hạt chuỗi thủy tinh khảm được cho rằng ở vùng Phoenicia (phía Đông Bắc bờ biển Địa Trung Hải ngày nay), là nơi chủ yếu sản xuất đồ thủy tinh cho Đế quốc La Mã. Ở Đông Nam Á lục địa, cũng có những di tích tìm thấy loại hình thủy tinh khảm mảnh kiểu này với niên đại muộn hơn như tại Khlong Thom, Thung Tuek và Phang Nga ở miền nam Thái Lan (Nguyễn Kim Dung và nhiều người, 2020).

Hình 5. Hạt chuỗi thủy tinh bọc vàng phát hiện tại Pangkung Paruk



Nguồn: Ambra Calo et al., 2020.

Hình 6. Hạt chuỗi khảm thủy tinh



Nguồn: Nguyễn Khánh Trung Kiên.

Tài liệu khảo cổ học khu vực Đông Á cho thấy vào thời nhà Hán, ở Phiên Ngung (Quảng Đông) và Hợp Phố (Quảng Tây) được cho là hai trong số những cảng thị quan trọng nhất của mạng lưới thương mại hàng hải thời bấy giờ đã phát hiện vô số những loại hình đồ trang sức và nhiều loại mặt hàng quý hiếm có nguồn gốc đa dạng như Ai Cập, Tây Á, Địa Trung Hải, Nam Á hay Ấn Độ. Đồ trang sức tìm thấy tại những nơi này bao gồm nhiều loại chất liệu khác nhau như đá quý (mã não, carnelian, garnet) các loại hạt hổ phách và kể cả hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific cùng với các loại hạt thủy tinh sọc và hạt cườm hình động vật, các loại hạt thủy tinh khảm (mosaic), hay những hạt trang sức bằng vàng (Hsiao-chun Hung, Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2023).

Qua các loại hình đồ trang sức đã phản ánh những giao tiếp và tương tác văn hóa, trao đổi thương mại giữa cư dân Óc Eo với Ấn Độ, Đông Nam Á, Đông Á và văn minh phương Tây thời bấy giờ một cách khá rõ nét. Đồng thời, khả năng cư dân Óc Eo - Ba Thê cũng sản xuất ra những mặt hàng trang sức như hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific nhiều màu để buôn bán với các nơi khi các cuộc khai quật khảo cổ học tìm thấy số lượng “khổng lồ” còn sót lại trong tầng văn hóa các di tích trên cánh đồng Óc Eo.

- **Gia vị:** là một trong số những mặt hàng thương mại có giá trị cao thời bấy giờ, chúng được biết đến với nhiều loại khác nhau, trong đó có một số loài vốn chỉ sinh trưởng ở miền Đông Indonesia nơi Moluccas (quần đảo Gia vị). Các thương nhân cổ đại đã biết đến Indonesia là quê hương của nhiều loại gia vị quý, trong đó đáng chú ý là đinh hương và hạt nhục đậu khấu có nguồn gốc từ Moluccas. Thư tịch Trung Quốc (Hán thư và hậu Hán thư) cũng có đề cập đến thương mại hàng hải giữa Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á và nói đến việc các loại gia vị được khai thác từ Đông Nam Á và được nhập vào Trung Quốc để tiêu thụ (Hsiao-chun Hung, Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2023).

Đinh hương là loại gia vị có nguồn gốc từ các đảo nhỏ ngoài khơi bờ biển phía Tây Halmahera (đảo lớn nhất và ở phía Bắc quần đảo Moluccas), nó đã được người Trung Quốc thời cổ đại biết đến và sử dụng từ thời nhà

Hán (Miller, 1969; Andaya, 1993; Brierley, 1994). Theo Brierley (1994) đinh hương đã được buôn bán ở khu vực Đông Phi vào khoảng trước thế kỷ I, sau đó tiếp tục được du nhập vào Ai Cập. Trong các ghi chép của Ấn Độ cũng có đề cập đến đinh hương, vốn phải được nhập khẩu từ Indonesia, vào khoảng trước thế kỷ thứ I. Và từ đầu mới Ấn Độ, đinh hương tiếp tục được buôn bán đến các khu vực xa hơn về phía Tây, đến vùng Trung Á và Đế chế La Mã. Đây là những nơi mà đinh hương Indonesia được đánh giá có chất lượng cao nhất như nhà lịch sử tự nhiên La Mã "Pliny Già" đã đề cập vào năm 70 Công nguyên (Swadling, 1996).

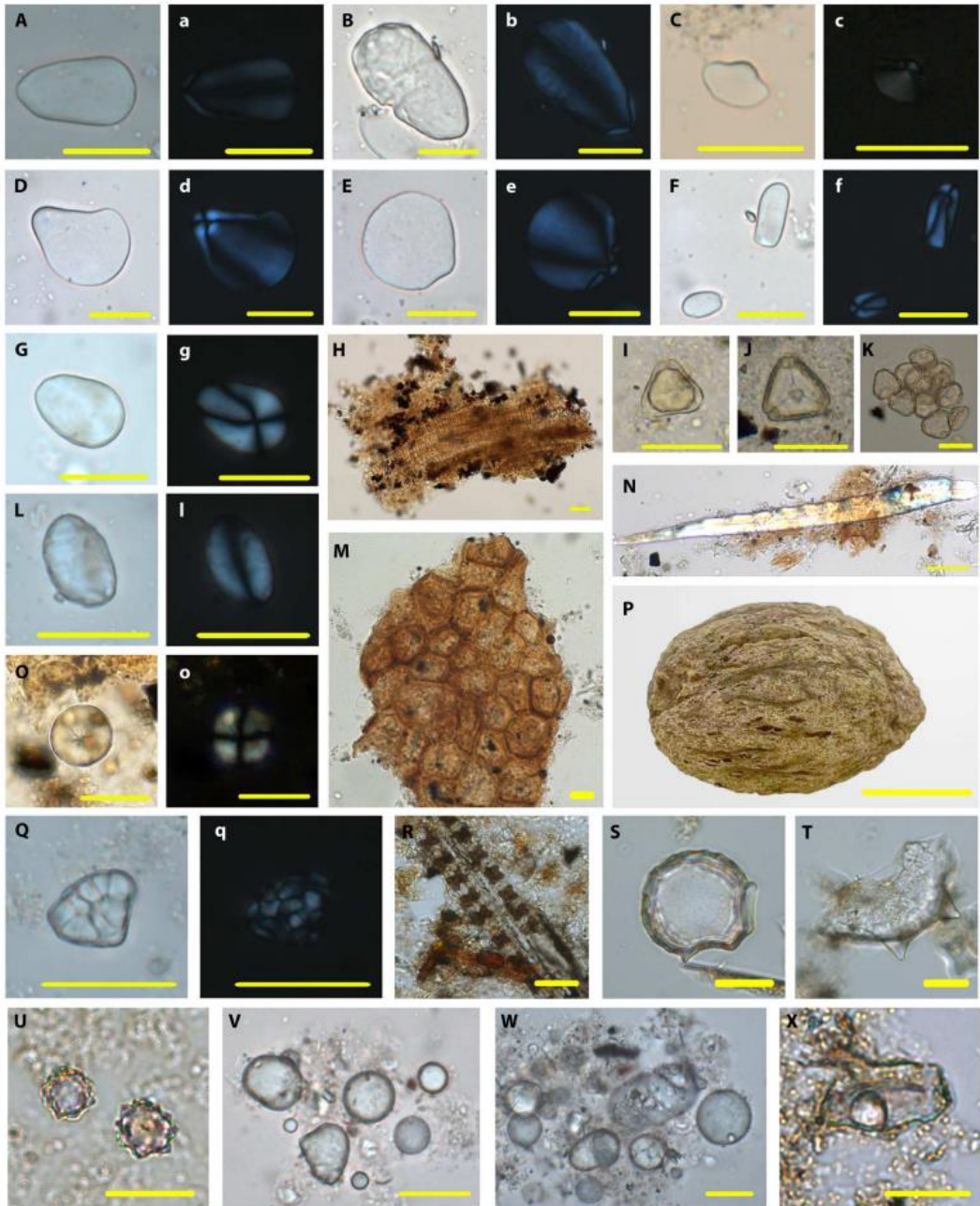
Riêng đối với nhục đậu khấu, các tài liệu tham khảo cho thấy nó có nguồn gốc từ quần đảo Banda ở trung tâm của quần đảo gia vị Moluccas. Loại gia vị này bắt đầu xuất hiện trong các ghi chép cổ của Trung Quốc muộn hơn đôi chút so với đinh hương, vào thời Nam Bắc Ngụy - Tấn (năm 220 - 589 Công nguyên). Gần đây, trong nghiên cứu của Weiwei Wang và cộng sự (2023) về các hạt tinh bột (starch) còn lưu lại trên các công cụ nghiền (pesani) ở Óc Eo - Ba Thê đã cho thấy rằng người dân nơi này biết đến và đã sử dụng nhiều loại gia vị từ một số loài bản địa ở Nam Á và Đông Nam Á, bao gồm: nghệ, gừng, riềng, gừng cát, đinh hương, nhục đậu khấu và quế. Một số loại, chẳng hạn như quế, nhục đậu khấu và đinh hương có thể đã được nhập khẩu vào Óc Eo từ

những vùng đất xa xôi như Nam Á hay miền Đông Indonesia (Weiwei Wang et al., 2023). Những phát hiện này là bằng chứng sớm nhất về việc sử dụng gia vị đinh hương và nhục đậu khấu ở Đông Nam Á lục địa, làm nổi bật ảnh hưởng của hoạt động thương mại giữa Đông Nam Á lục địa mà cụ thể là Óc Eo - Ba Thê với quần đảo Moluccas ở miền Đông Indonesia trong vài thế kỷ đầu Công nguyên.

Như vậy, có thể thấy sự xuất hiện của gia vị góp mặt trong hệ thống thương mại hàng hải toàn cầu thời bấy giờ cùng với việc mua bán các loại hàng hóa có giá trị khác đến từ các nền văn hóa, văn minh khác nhau đã góp phần định hình sự kết nối giữa Châu Á, Châu Phi và Châu Âu trong những thế kỷ đầu Công nguyên và kéo dài suốt nhiều thế kỷ sau đó. Những phát hiện này góp phần cung cấp bằng chứng khảo cổ về sự tham gia vào hoạt động thương mại này qua các "cảng thị" như Óc Eo - Ba thê và hệ thống cảng thị khác ở phía Bắc như Trung Quốc, hay Philippines và Đài Loan ở phía Đông, Indonesia ở phía Nam và về phía Tây với tiểu lục địa Ấn Độ hay thậm chí xa hơn nữa với thế giới Địa Trung Hải (Hsiao-chun Hung, Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2023).

Phát hiện thực chứng khảo cổ học trong năm 2023 về việc sử dụng gia vị trong đời sống của cư dân cổ Óc Eo là một vấn đề thú vị. Khả năng chúng được sử dụng trong ẩm thực thường nhật và đồng thời cũng là một sản phẩm thương mại được đặt ra khi các

Hình 7. Các loại gia vị phát hiện trên dụng cụ nghiền (pesani) ở Óc Eo - Ba Thê



Ghi chú:

(A) và (a), (B) và (b) **Loại Ia, Nghệ** *Curcuma longa*. (C) và (c) **Loại Ib, Gừng** *Zingiberaceae officinale*. (D) và (d) **Loại Ic, Ngải Bún** *Boesenbergia rotunda*. (E) và (e) **Loại Id, Gừng Cát** *Kaempferia galanga*. (F) và (f) **Loại Ie, Riềng** *Alpinia galanga*. (G) và (g) **Loại II, Đinh Hương** *Syzygium Aromatum*. (H) Thực vật chưa nhận diện loài. (I) đến (K) phần hoa *Myrtaceae*. (L) và (l) **Loại III, Quế** *Cinnamomum sp.* (M) Thực vật chưa nhận diện loài. (N) Thực vật chưa nhận diện loài. (O) và (o) **Loại IV, Nhục đậu khấu** *Myristica fragrans*. (P) Hạt Nhục đậu khấu. (Q) và (q) **Loại V, Lúa** *Oryza sativa*. (R) Phytolith của lúa. (S) Phytolith của lúa. (T) Thực vật khả năng là Cọ. (U) và (u) **Loại VI, Chuối** *Musa*. (V) và (v) Thực vật khả năng là Dừa (*Cocos nucifera*). (X) Thực vật khả năng là Chuối (*Musa*).

Thanh tỷ lệ trong hình (P) là 1 cm và tất cả các hình khác là 20 μ m.

Nguồn: Weiwei Wang et al., 2023.

kết quả khai quật và nghiên cứu tìm thấy nhiều vết tích gia vị để lại trên các dụng cụ nghiền và một số loại hạt gia vị còn bảo lưu tốt trong môi trường yếm khí sinh lầy nơi đáy kênh cổ Lung Lớn (Hình 7). Theo Louis Malleret (1960) những chiếc pesani ở Nam Ấn thường được dùng trong các dịp yến tiệc, lễ cưới và mừng sinh con, chúng dùng để nghiền các loại gia vị như mùi, đinh hương, hồi, nghệ, ớt... để chế biến ra món cà ri. Loại bàn nghiền kiểu này ít gặp ở Campuchia (vốn nằm sâu hơn trong lục địa) trong những thế kỷ đầu Công nguyên nhưng lại tìm thấy nhiều ở đồng bằng Nam Bộ và khu vực phía Nam Thái Lan (bán đảo Thái - Mã Lai). Đây là một vấn đề cần nghiên cứu trong thời gian sắp tới để đánh giá ảnh hưởng và phạm vi xâm nhập của văn minh Ấn Độ trong từng giai đoạn phát triển

của các quốc gia cổ đại ở Đông Nam Á.

Trên bình diện rộng hơn, gia vị từng được cư dân của các nền văn minh đương thời như Ấn Độ, La Mã, Trung Hoa tiêu thụ trong đời sống, nhất là trong nhóm có địa vị xã hội cao. Bởi vậy, nó chính là một trong những sản phẩm có giá trị thương mại cao trong các chuyến hải hành vượt trùng dương đầy mạo hiểm. Đồng thời, việc một số loài nguồn gốc khác nhau như đinh hương, nhục đậu khấu (từ Moluccas) và quế (Sri Lanka) xuất hiện và được sử dụng ở Óc Eo - Ba Thê là minh chứng không chỉ cho giao thương hàng hải mà còn là bằng chứng thể hiện sự giao thoa văn hóa ở khu vực Nam Bộ Việt Nam với thế giới thời bấy giờ.

2.2. Trình độ quy hoạch đô thị và kỹ thuật xây dựng kiến trúc

Hình 8. Không ảnh khu “đô thị” cổ Óc Eo



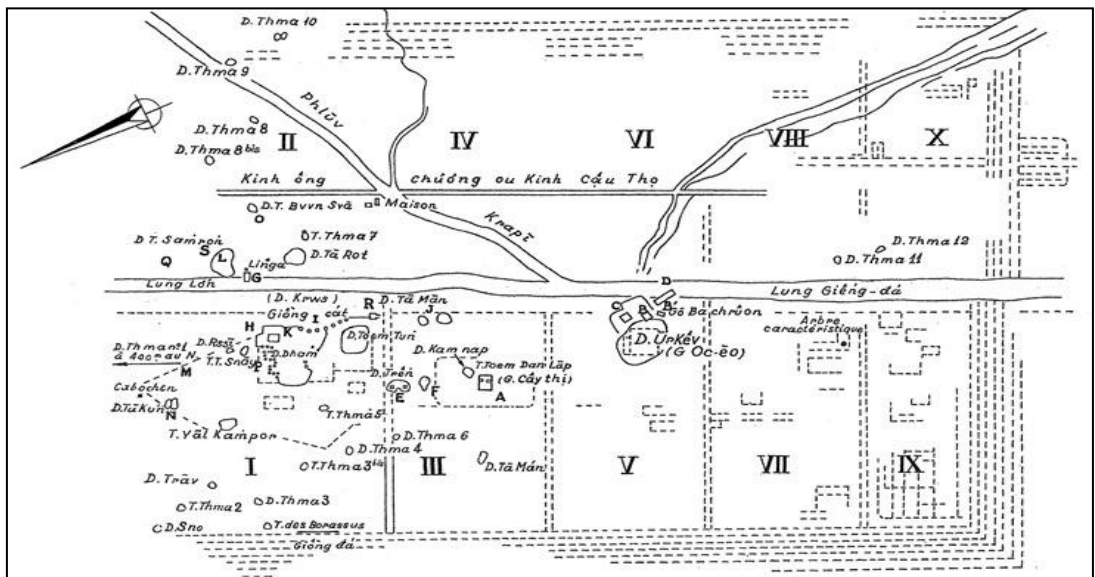
Nguồn: Éric Bourdonneau, 2007.

Trình độ quy hoạch đô thị của cư dân Óc Eo - Ba Thê đã đạt mức độ phát triển cao nếu so với các khu vực khác ở Đông Nam Á vào cùng thời đại. Từ thập niên 1950, khi khảo sát từ máy bay, người Pháp đã ghi nhận vết tích của các đường hào song song tạo thành một khuôn viên dạng hình chữ nhật với quy mô 3.000m x 1.500m trên cánh đồng Óc Eo và bên trong chia thành nhiều phân khu khác nhau (Hình 8).

Nếu so với các “đô thị” tương tự khác ở Đông Nam Á như Angkor Borei (Campuchia) vốn tận dụng địa hình tự nhiên và các đoạn uốn lượn của dòng sông sẽ nhận ra sự “quy chuẩn” thể hiện rõ nét hơn ở đô thị Óc Eo - Ba Thê khi nó được thiết kế dạng hình học (Hình 9). Trong phạm vi của “đô thị” này, dòng kênh Lung Lớn gần như chia đều không gian nội thị thành hai phần và nó như một tuyến thủy lộ trực, kết nối các khu vực bên trong với các

vùng khác bên ngoài. Ở phạm vi rộng hơn trong vùng, Louis Malleret đã nhận thấy hệ thống kênh rạch mà ông cho là do con người thiết lập, kết nối nhiều khu vực trên đồng bằng Nam Bộ. Trong một nghiên cứu liên ngành áp dụng kỹ thuật viễn thám (remote sensing) và giải đoán không ảnh (aerial photo), Nguyễn Quang Bắc (2020) đã khẳng định về sự tồn tại của đô thị cổ Óc Eo - Ba Thê cùng hệ thống hào thành bao quanh như mô tả của Louis Malleret và đô thị này liên kết với các vùng dân cư cổ xung quanh qua mạng lưới kênh đào tỏa khắp vùng đồng bằng. Nhà địa chất Lê Xuân Thuyên (2019) cho rằng việc đào một tuyến kênh thẳng tắp kéo dài hơn 70km vào thời đó cho thấy khả năng định vị vạch tuyến trong không gian của cư dân cổ Óc Eo rất tốt, kỹ năng này thường chỉ có được ở những người thành thạo nghề đi biển.

Hình 9. Khu “đô thị” cổ Óc Eo - bản vẽ của Louis Malleret

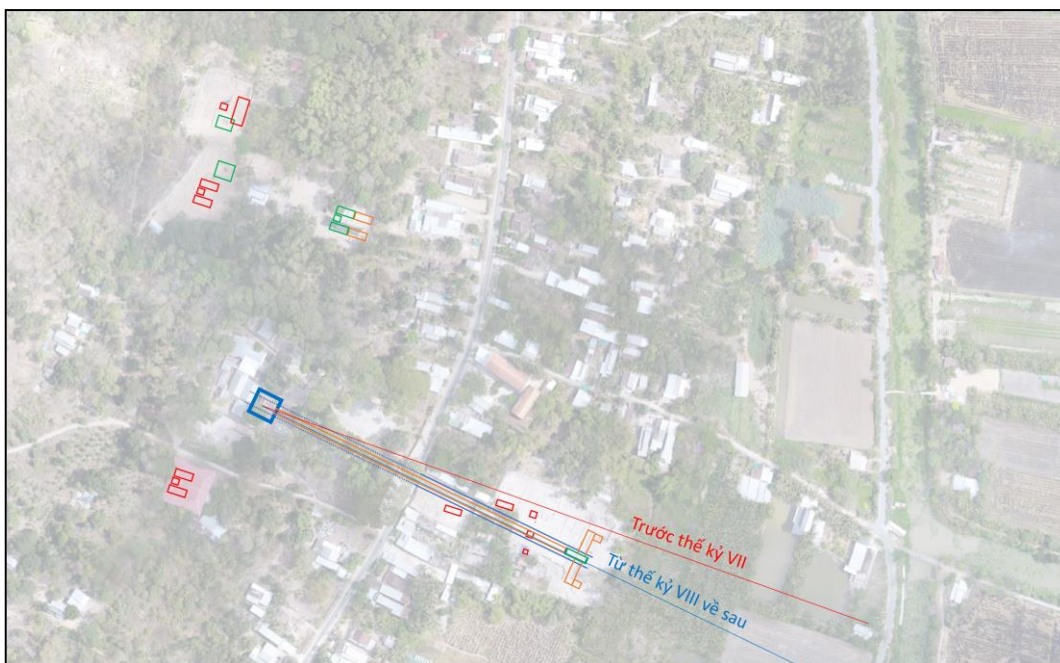


Nguồn: Louis Malleret, 1959.

Trong phạm vi đô thị cổ, dù đã bị phai mờ dấu vết trên mặt đất nhưng những vết tích nền móng kiến trúc vẫn còn bảo lưu trong lòng đất. Từ rất sớm, nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng ở khu di tích Óc Eo - Ba Thê ẩn chứa nhiều di tích kiến trúc tôn giáo, được ghi nhận như các dạng “gò đất” do kiến trúc cổ bị sụp đổ và bị đất vùi lấp tạo nên. Qua khảo sát cho thấy gạch xây dựng kiến trúc vương vãi khắp nơi, điều này phản ánh việc xây dựng kiến trúc từng diễn ra với quy mô lớn

trong khu đô thị này. Kết quả nghiên cứu mới đã làm rõ tại khu vực núi Ba Thê là một quần thể kiến trúc tôn giáo được quy hoạch chuẩn mực, có nhiều giai đoạn phát triển, bắt đầu diễn ra từ khoảng thế kỷ VI trở đi⁽²⁾. Từ đó góp phần nhận diện rõ hơn bình đồ tổng thể khu kiến trúc tôn giáo có vai trò trung tâm hay “thánh địa” của đô thị cổ Óc Eo, trong đó núi Ba Thê giữ vai trò như ngọn núi thiêng Meru trong tâm thức văn hóa Ấn Độ (Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2023).

Hình 10. Hai hệ trục quy hoạch kiến trúc tại Óc Eo - Ba Thê trước và sau thế kỷ VII



Nguồn: Nguyễn Khánh Trung Kiên (2023).

Qua hướng trục xây dựng các kiến trúc tôn giáo cũng cho thấy tư duy hình học và sự chính xác đã đạt mức phát triển cao vào thời đó (Hình 10). Có thể dễ dàng nhận ra hệ thống kiến trúc ở sườn núi Ba Thê xây dựng rất chuẩn mực với kiến trúc hiện nằm dưới nền móng chùa Linh Sơn là tâm

điểm của toàn bộ hệ quy chiếu⁽³⁾. Từ tâm điểm đó gióng theo trục Đông - Tây là hệ thống kiến trúc ở Gò Sáu Thuận, đồng thời đường trục Bắc - Nam cũng đi qua tâm nhóm kiến trúc Gò Út Trạnh nằm cách đó khoảng 300m. Qua khai quật các địa điểm di tích, đã có thể nhận diện một cách rõ

nét hơn không gian của khu di tích Ốc Eo - Ba Thê với các kiến trúc tôn giáo phân bố trong một quy hoạch tổng thể trên khu vực sườn và chân núi Ba Thê cùng với các điểm cư trú - kiến trúc tôn giáo trên cánh đồng Ốc Eo nằm ven bờ Lung Lớn, Gò Giồng Cát và Gò Ốc Eo.

Gò Sáu Thuận qua khai quật cho thấy tính chất của một khu cổng và cụm kiến trúc tôn giáo xây dựng liên hoàn để dẫn vào “không gian thiêng” trên sườn núi Ba Thê. Với những gì được khai quật cho thấy từ bến sông gần đó những người hành lễ sẽ bước qua khu cổng này để đi tiếp trên một con đường hành lễ dài hơn 200m tiến vào ngôi đền trung tâm bên dưới nền móng ngôi chùa Linh Sơn hiện tại

(Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2023). Các kiến trúc được khai quật ở khu vực sườn và chân núi Ba Thê đã góp phần làm thay đổi nhận thức về tính chất của các di tích ở khu vực này. Với những gì hiện biết cho thấy từ khu vực chùa Linh Sơn kéo dài về phía Đông khoảng 300m là một hệ thống cổng và đường hành lễ (nơi di tích Gò Sáu Thuận), tỏa về hai phía Bắc - Nam khoảng 300m là hệ thống các kiến trúc dạng tu viện Phật giáo (Linh Sơn Bắc và Linh Sơn Nam). Xa hơn nữa về hai phía Bắc - Nam là các kiến trúc hay nhóm kiến trúc dạng đền thờ, dù được quy hoạch đồng trục nhưng chưa rõ mô hình do chưa có điều kiện khai quật để nghiên cứu.

Hình 11. Gương đồng thời Hán và nhẫn hình bò Nandin



Nguồn: Phạm Văn Triệu

Gò Giồng Cát - nơi xây dựng đền thờ và cư trú của tầng lớp địa vị cao là những nhận thức mới. Nơi này qua khai quật đã làm lộ diện hai kiến trúc dạng dolmen (kiến trúc K), đền thờ và giếng vuông và giếng tròn cũng là loại hình di tích độc đáo. Tại đây còn tìm thấy vết tích cư trú trên nhà sàn và cả

cư trú trong những ngôi nhà khung cột gỗ dựng trên nền đất sét đắp, có thể đây là những kiến trúc gỗ dùng lá thực vật để lợp mái, niên đại của những di tích cư trú, giếng cổ này khoảng thế kỷ II - IV qua so sánh đối chiếu hiện vật và phân tích niên đại bằng phương pháp AMS và niên đại nhiệt

phát quang⁽⁴⁾ (Nguyễn Khánh Trung Kiên và nhiều người, 2022; Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2023). Qua vết tích còn lại của các kiến trúc bằng gỗ được xây dựng trên nền đất đắp và những vật phẩm quý hiếm như gương đồng thời Hán, nhẫn vàng đúc hình bò Nandin và các loại đồ gốm cao cấp được phát hiện cho thấy Gò Giồng

Cát ngoài tính chất là nơi xây dựng các đền thờ tôn giáo còn có thể là nơi cư trú của nhóm cư dân thuộc tầng lớp cao (hay giới tăng lữ?) trong xã hội Óc Eo - Ba Thê vào khoảng thế kỷ II - IV (Hình 11).

2.3. Một truyền thống văn hóa độc đáo được bảo lưu lâu dài

Hình 12. Vết tích nhà sàn bị sụp đổ tại kênh cổ Lung Lớn (Óc Eo - Ba Thê)



Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học, 2020.

Nhà sàn hiện nay là một trong những hình thức cư trú phổ biến ở nhiều khu vực trên lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt nó là hình thức cư trú phù hợp với môi trường sinh lầy, sông nước như Nam Bộ. Ngay từ khoảng hơn 4.000 năm trước, khi mực nước biển dần hạ thấp trong chu kỳ biển thoái Holocen, Nam Bộ Việt Nam trở thành nơi có thể sinh sống được và hàng loạt các điểm cư trú hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Đồng thau đã xuất hiện. Cùng với sự bồi lấp phù sa liên tục của dòng Cửu Long khiến đồng bằng châu thổ ngày một mở

rộng diện tích, các nhóm cư dân thời bấy giờ đã tiến dần về phía biển và hình thành nên các khu cư trú ngay trên những vùng đất thấp, mới thành tạo. Tại đó, họ đã hình thành một lối cư trú độc đáo để thích ứng môi trường trên những ngôi nhà sàn. Trong các phát hiện khảo cổ ở Đông Nam Bộ, ghi nhận vào khoảng 3.000 đến 2.500 năm trước đã có những làng cư trú nơi vùng ngập mặn, cận biển như Cái Vạng, Cái Lăng, Rạch Lá (Đồng Nai), Bưng Bạc, Bưng Thơm (Bà Rịa - Vũng Tàu) hay Cần Giờ

(TPHCM), vết tích để lại là những cột nhà sàn và các kết cấu gỗ vị vùi lấp và bảo lưu trong môi trường sinh lầy (Bùi Chí Hoàng và nhiều người, 2018). Đến giai đoạn muộn hơn, vào những thế kỷ đầu Công nguyên, hình thức cư trú trên nhà sàn đã ghi nhận tại nhiều di tích cư trú cổ ở khắp đồng bằng Nam Bộ như Nhơn Thành (Cần Thơ), Lung Lớn, Gò Óc Eo, Gò Giồng Cát (khu di tích Óc Eo - Ba Thê) hay tại Nền Chùa (Kiên Giang).

Riêng tại khu di tích Óc Eo - Ba Thê, các phát hiện trước đây từng ghi nhận vết tích của những hàng cọc gỗ, cột gỗ ở Gò Óc Eo, Lung Lớn trong các cuộc khai quật giai đoạn 1997 - 2002, các cột gỗ này khi được xác định niên đại bằng phương pháp ^{14}C cho tuổi vào khoảng thế kỷ II - IV (Manguin, 2002). Những vết tích để lại cho thấy chủ nhân đô thị cổ Óc Eo - Ba Thê đã sinh sống trong những ngôi nhà sàn dựng ven kênh rạch. Cuộc khai quật tại Lung Lớn (khu B) tiếp tục làm lộ rõ một kết cấu nhà sàn ven bờ, bị sụp đổ và vùi lấp nguyên trạng với các lỗ mộng để lắp ghép bộ khung cột (Hình 12). Niên đại của nhà sàn này được xác định khoảng thế kỷ II - III. Ngoài ra, còn tìm thấy ven bờ Lung Lớn những hàng cọc gỗ đóng với khoảng cách đều nhau, xiên nhẹ hướng ra lòng kênh. Các cọc gỗ này được đoán định chức năng là những hàng cọc neo thuyền, được đóng cạnh các nhà sàn, là nơi neo giữ các phương tiện thuyền bè khi dừng đỗ. Các phát hiện này phản ánh sinh động hình ảnh đời

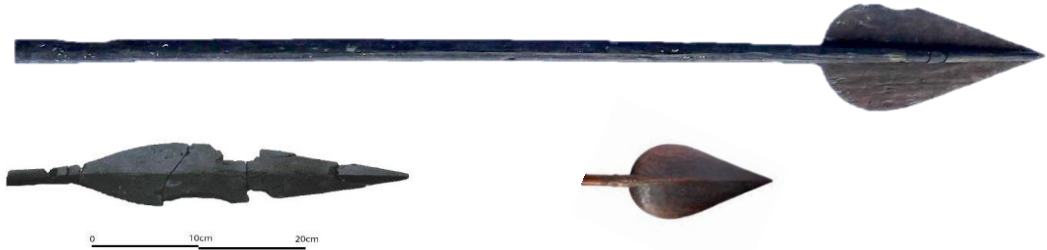
sống sinh hoạt thường nhật của cư dân cổ Óc Eo.

Ngoài ra, ở lớp trầm tích niên đại khoảng thế kỷ II, nơi đáy dòng kênh Lung Lớn phát hiện một số mái chèo làm bằng gỗ với phần tay chèo (cán) còn nguyên vẹn được lắp vào mái chèo bằng kỹ thuật cột dây cho thấy có những nét tương tự với những mái chèo của cư dân Đông Nam Á hải đảo sử dụng (đặc biệt ở vùng Papua New Guinea) (Hình 13). Các phát hiện mái chèo trước đây cùng những phát hiện này cho thấy có nhiều loại mái chèo khác nhau được sử dụng tại đô thị cổ này trong khoảng thế kỷ II - III. Mái chèo là những vật dụng thiết yếu trên những tàu thuyền thời bấy giờ cùng với việc mỗi nhóm cư dân sẽ có những đặc trưng khác nhau về kiểu dáng của mái chèo nên điều này gợi hướng cho nhận định khả năng nơi đây từng có nhiều nhóm cư dân nguồn gốc khác nhau tìm đến để giao lưu, mua bán hàng hóa. Đồng thời, trong lòng kênh cũng tìm thấy nhiều hiện vật gỗ dạng hình chữ "Y". Đây là dạng sào chống, được nối thêm vào đầu một sào tre dài, dùng để đẩy thuyền bè di chuyển, chúng thích hợp cho môi trường sinh lầy, nơi có các dòng chảy cạn và không sâu. Niên đại của những sào chống này tương ứng với tuổi của lớp trầm tích khoảng thế kỷ II - III tương tự các mái chèo. Cho đến vài thập niên gần đây, sào chống dạng này vẫn còn được cư dân trong vùng sử dụng. Như vậy, không chỉ là nơi tạo dựng khu cư trú mà dòng sông

hay dòng kênh kề bên ngôi nhà sàn còn là tuyến giao thông, buôn bán quan trọng theo mô hình “trên bến

dưới thuyền” giống các hình thức “chợ nổi” hiện còn bảo lưu ở đồng bằng Nam Bộ.

Hình 13. Các loại mái chèo tại Óc Eo - Ba Thê (ảnh trên và ảnh dưới bên trái) và sự tương đồng kiểu dáng với mái chèo của cư dân Papua New Guinea (ảnh dưới bên phải)



Nguồn: Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2023.

Từ những kết quả nghiên cứu khảo cổ học thời đại Kim khí ở khu vực Đông Nam Á (khoảng năm thế kỷ trước và sau Công nguyên) đã cho thấy sự hình thành mạng lưới thương mại hàng hải (maritime trading network) kết nối nhiều cộng đồng cách xa nhau với nhiều nền văn hóa đa dạng. Khoảng từ 500 năm trước Công nguyên trở về sau, kỹ thuật chế tác các loại vật dụng và kỹ thuật đóng tàu, đi biển đã phát triển hơn trước, các cộng đồng cư dân cổ đại bắt đầu vươn xa đến nơi có các sản phẩm, hàng hóa mong muốn, đó có thể là những đồ trang sức bằng đá quý, bằng thủy tinh hay ngà voi, sừng tê giác, lụa, đồ sứ, đá quý, gỗ thơm và các loại gia vị. Vào giai đoạn nói trên, ở khu vực Đông Nam Á mà trong đó có Nam Bộ Việt Nam trở thành một mắt xích quan trọng của một mạng lưới thương mại rộng lớn, vận hành sôi động, kết nối hai nền văn minh phương Đông và phương Tây bởi các loại hàng hóa đặc hữu. Khởi đầu từ

quá trình trao đổi hàng hóa, sản phẩm đã dẫn đến những tương tác văn hóa, tiếp biến các giá trị văn minh đa dạng và chúng đã trở trở thành những động lực thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, văn hóa và đời sống xã hội của những cộng đồng vốn đã có nền văn hóa bản địa phát triển cao, là tiền đề hình thành các nhà nước sớm ở Đông Nam Á.

Cũng vào giai đoạn đó, khu vực Trung Quốc cổ đại đã phát triển hùng mạnh và giữ vai trò quan trọng trong thương mại đường dài với các sản phẩm thương mại được tìm thấy trong nhiều di tích ven biển ở Đông Nam Á. Những vật phẩm nguồn gốc Trung Quốc thường tìm thấy là những chiếc gương đồng hay những đồng tiền Ngũ Thù. Theo thống kê của Fu Xia (2021) cho đến nay có ít nhất 59 chiếc gương đồng thời Hán đã được báo cáo ở Việt Nam, Thái Lan và Indonesia. Ở đảo Bali (Indonesia) cũng tìm thấy hai chiếc gương đồng từ thời Đông Hán và thời Ngụy - Tấn đã được phát hiện

tại Pangkung Paruk (Ardika, 2016; Calo et al., 2020). Ở Gò Giồng Cát (Óc Eo - Ba Thê) cũng tìm thấy một chiếc gương đồng thời Đông Hán, niên đại khoảng thế kỷ II - III, trên mặt có các chi tiết trang trí và bốn chữ Hán “nhật nhật thiên vương” và hai đồng tiền Ngũ Thù (niên đại khoảng thế kỷ I - III) ở di tích kênh cổ Lung Lớn nằm cạnh đó (Nguyễn Khánh Trung Kiên, Phạm Văn Triệu, 2022). Những chiếc gương đồng này khả năng được sản xuất ở miền Nam Trung Quốc hoặc miền Bắc Việt Nam trong thời nhà Hán, chúng được mua bán qua các tuyến giao thương trực tiếp hay gián tiếp nhiều chặng khác nhau theo bờ biển miền Trung Việt Nam. Những hiện vật nói trên góp phần minh họa thêm cho mối liên hệ thương mại sâu rộng giữa Trung Quốc và Đông Nam Á trong đó có Óc Eo - Ba Thê.

Hình 14. Vật đeo bằng răng cá mập (hay một phần của lưỡi dao?) tại Lung Lớn (Óc Eo - Ba Thê)



Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học, 2020.

Hình 15. Dao - biểu tượng quyền lực - làm từ răng cá mập



Nguồn: https://history.bankcredit.vn/the-shark-teeth-knife-a-cultural-treasure-from-micronesia/?fbclid=IwY2xjawEuONZleHRuA2FibQIxMAABHYolpoTgvflhJS5uSV0gZcsSWfOKjkMTyc1fMkoSmG5ANxM14tRIY1ByQ_aem_LxIYeFSV9UBYZL-ZOS0ERQ

Ngoài ra, có một số hiện vật cũng phản ánh những mối quan hệ với thế giới bên ngoài và đô thị cổ Óc Eo - Ba Thê. Đơn cử như một “vật đeo” làm từ răng cá mập tìm thấy tại lớp trầm tích đáy kênh cổ Lung Lớn với một lỗ khoan dùng để xỏ dây để đeo như một vật trang sức (Hình 14). Phát hiện về việc sử dụng răng cá mập để làm trang sức của cư dân từng sinh sống (hay từng đến viếng thăm) vùng đất Óc Eo - Ba Thê vào những thế kỷ đầu Công nguyên là những thông tin lý thú. Tại di tích Chiuhsiangan ở bờ biển phía Đông đảo Đài Loan cũng phát hiện những đồ đeo trang sức làm từ răng cá mập với số lượng lớn, thuộc

về loài Cá Nhám (tên khoa học là *Carcharhinus sorrah*) với một hoặc hai lỗ khoan để xoắn dây đeo. Khả năng đó là món trang sức thuộc về những cư dân đi biển hay sống trên các hải đảo? Ngoài ra, có thể đó không chỉ là món trang sức đeo cổ mà còn là một vật biểu tượng quyền lực của cư dân hải đảo (Tiểu Đảo - Micronesia) ở dạng một chiếc dao cắt hình răng cưa khi những chiếc răng cá mập này được gắn nối tiếp nhau trên một thanh gỗ bằng cách cột dây⁽⁵⁾ (Hình 15). Phát hiện này cho thấy có sự liên hệ giữa cư dân Đông Nam Á hải đảo và cư dân đô thị cổ Óc Eo qua hoạt động thương mại hàng hải.

Như vậy, cho đến thời hiện đại, hình thức cư trú trên nhà sàn và toàn bộ đời sống của người dân gắn liền với môi trường sông nước tương tự Óc Eo - Ba Thê vẫn được duy trì ở Nam Bộ Việt Nam như một truyền thống, một nét văn hóa đặc sắc, thể hiện sự thích nghi cao của các cộng đồng cư dân từ cổ đại đến hiện đại trải qua 2.000 năm thích nghi, tồn tại và phát triển ở vùng đất châu thổ sông Cửu Long. Qua các hiện vật khảo cổ phát hiện nơi đáy dòng kênh cổ Lung Lớn đã phản ánh tính chất cư trú và tổ chức hoạt động thương mại rõ nét ở nơi này. Vì thế, khảo cổ học đã góp phần mang lại những hình dung về phương thức buôn bán “trên bến dưới thuyền” của cư dân cổ Óc Eo - Ba Thê ven bờ kênh cổ Lung Lớn qua các di tích và di vật để lại. Nhà sàn và hình thức buôn bán “trên bến dưới thuyền”

hay các “chợ nổi” có thể xem là một truyền thống văn hóa của cư dân vùng sông nước, được bảo lưu trong 2.000 năm qua ở đồng bằng Tây Nam Bộ.

3. KẾT LUẬN

Điểm qua các phát hiện trong quá trình nghiên cứu gần đây thể hiện tính chất của một đô thị cổ, nơi được quy hoạch có chủ đích, với các phân khu chức năng của một “đô thị” trên cánh đồng Óc Eo cùng với “không gian thiêng” xây dựng kiến trúc tôn giáo trên sườn núi Ba Thê. Khu di tích Óc Eo - Ba Thê với vị trí địa chiến lược ở đồng bằng Nam Bộ nằm án ngữ ở “ngã tư đường”, vùng đất mà từ khoảng năm thế kỷ trước đó đã diễn ra các hoạt động trao đổi hàng hóa, giao lưu văn hóa sôi động của cư dân giai đoạn tiền sử muộn Đông Nam Á qua các tuyến giao thông biển kết nối hai nền văn minh lớn là Ấn Độ và Trung Hoa, giữ vai trò đặc biệt trong mạng lưới thương mại hàng hải thời cổ đại với nhiều loại mặt hàng được giao thương. Không những vậy, cư dân cổ vùng này còn tiếp nhận một số thành tựu của văn minh Ấn Độ trong đời sống vật chất và tinh thần, phản ánh qua tôn giáo, chữ viết, tư duy thẩm mỹ và một số nghề thủ công chế tác đồ trang sức.

Sinh kế của người dân được vận hành bằng kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, và thương nghiệp, trong một mạng lưới kết nối với nhiều khu vực khác nhau thời đó. Đô thị cổ này có vai trò như một điểm hội tụ quan trọng trong các hải trình thương mại biển Đông - Tây, được ghi nhận qua

sự xuất hiện của các sản phẩm từ Ấn Độ, Tây Á, La Mã và Trung Quốc bên cạnh các vật dụng nguồn gốc bản địa, với niên đại khoảng thế kỷ II - VII. Ở cánh đồng Óc Eo, tư liệu mới cho thấy vết tích liên quan đến sinh hoạt và thương mại vùng sông nước với hình thức cư trú trên nhà sàn, di chuyển bằng thuyền bè và buôn bán theo mô hình “trên bến dưới thuyền” còn được bảo lưu đến thời hiện đại qua các hình thức “chợ nổi” ở Tây Nam Bộ.

Kết quả của những nghiên cứu mới đã góp phần quan trọng cho việc làm sáng rõ các vấn đề liên quan đến đô thị cổ Óc Eo, đem lại những nhận thức rõ nét hơn về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân cổ vùng đất này. Với nhiều loại hình di tích và di vật được phát hiện không chỉ là tư liệu quan trọng cho nghiên cứu, nó còn là minh chứng cho nỗ lực thích ứng và chinh phục vùng đất Nam Bộ trong quá khứ 2.000 năm trước. □

CHÚ THÍCH

- (1) Theo kết quả phân tích của Tomomi Tamura và Katsuhiko Oga, các hạt chuỗi ở Óc Eo - Ba Thê thuộc nhóm SIIB, có thành phần nguyên liệu đa dạng để tạo ra nhiều màu sắc khác nhau, cụ thể như: đồng, manganese, chì, sắt, cobalt (Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2023).
- (2) Các phát hiện tại Gò Sáu Thuận, Gò Út Trạch cùng với ngoại vi Linh Sơn và Linh Sơn Bắc do Viện Khảo cổ học khai quật. Qua kết quả phân tích sơ bộ niên đại nhiệt phát quang ở khu vực núi Ba Thê cho tuổi của một số kiến trúc trong các khu di tích Gò Sáu Thuận, Linh Sơn Bắc, Linh Sơn Nam có những niên đại sớm hơn thế kỷ VI và sẽ được nhóm nghiên cứu công bố chi tiết trong thời gian tới.
- (3) Nơi đây tìm thấy bộ khung cửa bằng đá khả năng nằm nguyên trạng (in situ), trong đó có một phiến đá trên bề mặt có văn khắc chữ Sanskrit (bia K3), là những gì còn lại trên mặt đất của một kiến trúc lớn từng bị chôn vùi.
- (4) Trao đổi thông tin cá nhân dựa trên kết quả phân tích sơ bộ niên đại di tích Gò Giồng Cát với TS. Lưu Anh Tuyên là người thực hiện phân tích niên đại nhiệt phát quang trong chương trình hợp tác này vào tháng 8/2023.
- (5) https://history.bankcredit.vn/the-shark-teeth-knife-a-cultural-treasure-from-micronesia/?fbclid=IwY2xjawEuONZleHRuA2FibQIxMAABHYoIpoTgvflhJS5uSV0gZcsSWfOKjkMTyc1fMkoSmG5ANxM14tRIIY1ByQ_aem_LxIYeFSV9UBYZL-ZOS0ERQ, truy cập ngày 10/8/2024.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Andaya, L.Y. 1993. *The World of Maluku: Eastern Indonesia in the Early Modern Period*. Honolulu: University of Hawaii Press.

2. Ardika, I.W. 2016. "Bali in the Global Contacts and the rise of Complex Society". In B. Prasetyo, T.S. Nastiti and T. Simanjuntak (eds). *Austronesian Diaspora: A New Perspective*, pp. 193-206. Yogyakarta: Gadjah Mada University Press.
3. Bourdonneau, Éric. 2007. "Réhabiliter le Funan Óc Eo ou la première Angkor". *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient*, 94.
4. Brierley, J.H. 1994. *Spices: The Story of Indonesia's Spice Trade*. Kuala Lumpur: Oxford University Press.
5. Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Quốc Mạnh. 2013. "Khai quật cụm di tích kiến trúc Gò Út Trạnh thuộc khu di tích Óc Eo - Ba Thê". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2.
6. Bùi Minh Trí, Nguyễn Gia Đồi, Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2022. *Văn hóa Óc Eo những phát hiện mới khảo cổ học tại di tích Óc Eo Ba Thê, Nền Chùa 2017 - 2020*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
7. Calo Ambra, Peter Bellwood, James Lankton, Andreas Reinecke, Rochtri Agung Bawono, Bagyo Prasetyo. 2020. "Trans-Asiatic Exchange of Glass, Gold and Bronze: Analysis of Finds from the Late Prehistoric Pangkung Paruk site, Bali". *Antiquity* 2020. <https://doi.org/10.15184/aqy.2019.199>.
8. Chhom Kunthea, Dominic Goodall & Arlo Griffith. 2023. "A Buddhist Procession Inaugurated in a Seventh-Century Inscription from Oc Eo (K.1426) and the Ancient Toponym Tamandarapura". Trong Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế *Văn hóa Óc Eo trong bối cảnh văn hóa Châu Á*. An Giang tháng 11/2023. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Tài liệu lưu hành nội bộ.
9. Đặng Ngọc Kính và cộng sự. 2022. *Báo cáo kết quả khai quật, nghiên cứu di tích Gò Út Trạnh*. Tư liệu đề án "Nghiên cứu khu di tích Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa (văn hóa Óc Eo Nam Bộ)".
10. Francis Peter. 2002. *Asia's Maritime Bead Trade 300 B.C to the Present*. 1st Edn., University of Hawaii Press, Honolulu, ISBN: 082482332X, pp: 305.
11. Fu Xia. 2021. "Han Dynasty Bronze Mirrors Discovered in Southeast Asia". *Archaeology and Cultural Relics*, 6, pp. 92-98.
12. https://history.bankcredit.vn/the-shark-teeth-knife-a-cultural-treasure-from-micronesia/?fbclid=IwY2xjawEuONZleHRuA2FibQIxMAABHYolpoTgvlhJS5uSV0gZcsSWfOKjkMTyc1fMkoSmG5ANxM14tRIIY1ByQ_aem_LxIYeFSV9UBYZL-ZOS0ERQ
13. Hung Hsiao-chun and Nguyen Khanh Trung Kien. 2023. "Research Achievements about the Southeast Asian Maritime Trading Networks, 500 BC-AD 500". International Conference: *Establishing the Foundation for UNESCO World Heritage Registration - Major Achievements and Development Directions of Mahan History and Culture*, pp. 204-227 (in English).
14. Kim Gyu Ho, Yun Ji Hyeon, Kwon Oh Young, Park Jun Young, Nguyen Thi Ha. 2016. "A study on the Material and Characteristics of Glass Beads from Oc Eo Site, Vietnam". *Korean Journal of Cultural Heritage Studies* Vol. 49. No. 2, June 2016, pp. 158-171.
15. Lê Xuân Thuyên. 2019. "Môi trường cổ địa lý khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn Holocene muộn và nền văn hóa Óc Eo". Trong kỷ yếu hội thảo quốc gia

Khu di tích Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa: khai quật, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị. An Giang: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, tháng 11/2019. Tài liệu lưu hành nội bộ.

16. Lương Ninh. 2005. *Vương quốc Phù Nam lịch sử và văn hóa*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.

17. Louis Malleret. 1959. *L'Archéologie du Delta du Mékong*. Tome Premier. L'Exploration Archéologique et les Fouilles D'Oc Eo. Planches. Pl.XV.

18. Malleret, Louis. 1960. *L'Archéologie du Delta du Mékong. Tome Second: La Civilisation Matérielle d'Oc-Èo (Texte)*. Publications de L'École Française d'Extrême-Orient, Volume XLIII, Paris, 1960. (Bản dịch tiếng Việt "Khảo cổ học Đồng bằng sông Mekong" – Tập II. *Văn minh vật chất Óc Eo*. 2021. TPHCM: Nxb. Tổng hợp).

19. Manguin Pierre Yves. 2002: *Rapport préliminaire campagne Archéologique de Coopération Franco-Vietnamienne 2002*. Mission Archéologie du Delta du Mékong. Unité d'accueil "Echanges, Formation de l'Etat et Urbanisation en Asie du Sud - Est", Septembre 2002. EFEO. (Manguin P.Y. 2002. Báo cáo sơ bộ Chương trình khảo cổ học tác Pháp - Việt năm 2002. Bản dịch tiếng Việt. Tài liệu nội bộ chương trình hợp tác).

20. Miller, I. 1969. *The Spice Trade of the Roman Empire: 29 B.C. to A.D. 641*. Oxford: The Clarendon Press.

21. Nguyễn Gia Đồi, Lê Đình Phụng, Phạm Văn Triệu. 2020. "Nhận thức về di tích kiến trúc ở các địa điểm khai quật của Viện Khảo cổ học tại khu di tích Óc Eo - Ba Thê". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1.

22. Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2023. "Nhận diện đời sống cư dân cổ Óc Eo - Ba Thê qua các phát hiện, nghiên cứu khảo cổ học 2017 - 2023". Trong Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế *Văn hóa Óc Eo trong bối cảnh văn hóa Châu Á*. An Giang: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, tháng 11/2023. Tài liệu lưu hành nội bộ.

23. Nguyễn Khánh Trung Kiên, Phạm Văn Triệu. 2022. "Góp phần nhận diện hoạt động thương mại hàng hải thời cổ đại qua nghiên cứu so sánh hiện vật khảo cổ tại di tích kênh cổ Lung Lớn". *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 10(290).

24. Nguyễn Khánh Trung Kiên, Yamagata Mariko, Kubo Sumiko. 2022. "Góp phần xác định niên đại khu di tích khảo cổ học Óc Eo - Ba Thê qua các kết quả phân tích mới". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 6.

25. Nguyễn Quang Bắc, Nguyễn Hữu Tuấn, Nguyễn Quang Miên, Trình Năng Chung, Lê Ngọc Thanh. 2020. "Nhận diện đô thị cổ Óc Eo từ kết quả nghiên cứu liên ngành: viễn thám, công nghệ thông tin, địa vật lý - địa chất và khảo cổ học". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2(224).

26. Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Khánh Trung Kiên, Lê Hoàng Phong. 2020. "Góp thêm một vài nhận xét về hải thương quốc tế Óc Eo từ tư liệu đồ trang sức khai quật gần đây". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1.

27. Phạm Văn Triệu. 2023. "Lịch sử hình thành và phát triển của đô thị cổ Óc Eo qua các phát hiện khảo cổ học năm 2017 - 2020". Trong Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế

Văn hóa Óc Eo trong bối cảnh văn hóa Châu Á. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tổ chức tháng 11/2023. Tài liệu lưu hành nội bộ.

28. Swadling, P. 1996. *Plumes for Paradise: Trade Cycles in Outer Southeast Asia and Their Impact on New Guinea and Nearby Islands Until 1920*. Port Moresby: Robert Brown and Associates and the National Museum and Art Gallery.

29. Vietnamese National Commission for UNESCO 2022. *Óc Eo - Ba The Archaeological Site* . <https://whc.unesco.org/en/tentativelists/6572/>

30. Weiwei Wang, Khanh Trung Kien Nguyen, Chunguang Zhao, and Hsiao-chun Hung 2023. "Earliest Curry in Southeast Asia and the Global Spice Trade 2000 Years Ago". *Science Advances* 9(5517). DOI:10.1126/sciadv.adh5517.